

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 02/2004/TT-BCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 của Chính phủ
phủ
quy định "Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng
đường bộ"

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 05 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ bao gồm: bổ sung Danh mục hàng nguy hiểm là vật liệu nổ công nghiệp; quy định quy cách đóng gói, tiêu chuẩn bao bì chứa đựng, thùng chứa; dán biểu trưng, báo hiệu nguy hiểm đối với hàng hóa là vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm; điều kiện hiểu biết của người lao động và điều kiện kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển khi tham gia vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào quá trình vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm dùng cho sản xuất công nghiệp bằng đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- a) Các hóa chất đặc biệt phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý;
- b) Các loại nhiên liệu, chất đốt dạng lỏng có nguồn gốc dầu mỏ;
- c) Các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất diệt côn trùng;
- d) Các chất phóng xạ.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Hóa chất công nghiệp nguy hiểm* là các hóa chất nguy hiểm sử dụng trong công nghiệp được quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.
- b) *Bên gửi hàng* là tổ chức, cá nhân có yêu cầu vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm.
- c) *Đơn vị vận chuyển* là tổ chức, cá nhân nhận thực hiện việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm.
- d) *Người vận chuyển* bao gồm lái xe và người áp tải trực tiếp thực hiện việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm.
- đ) *Biểu trưng hàng nguy hiểm* là các biểu tượng thích hợp với từng loại hàng nguy hiểm gắn trên bao bì, thùng chứa, trên phương tiện vận chuyển trong quá trình vận chuyển hàng nguy hiểm.
- e) *Báo hiệu hàng nguy hiểm* là dấu hiệu được in, hoặc gắn lên công-ten-nơ và phương tiện vận chuyển có ghi rõ mã số Liên hợp quốc (mã số UN) của hàng hóa nguy hiểm.
- g) *Đóng gói vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất nguy hiểm* là các biện pháp kỹ thuật thực hiện để chứa đựng vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất nguy hiểm bằng bao gói thích hợp theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà bên gửi hàng hoặc vận chuyển phải tuân thủ.

h) Tài liệu an toàn hóa chất là tài liệu do nhà cung cấp hoặc nhập khẩu thiết lập, được in bằng tiếng Việt có đầy đủ các thông tin sau:

- Tên chính xác của hóa chất công nghiệp nguy hiểm, mã số UN và mức độ nguy hiểm của hóa chất được nêu tương ứng trong cột số 2, số 3 và số 4 bảng Danh mục hóa chất công nghiệp nguy hiểm, Phụ lục 2 của Thông tư này;
- Các tính chất vật lý và hóa học;
- Các yêu cầu về đóng gói hóa chất được vận chuyển;
- Các biện pháp cần thiết trong trường hợp hóa chất bị rò rỉ;
- Các yêu cầu phải thực hiện trong quá trình vận chuyển, hướng dẫn xử lý trong trường hợp có tai nạn, sự cố;
- Hướng dẫn kỹ thuật và cảnh báo khi bảo quản, lưu giữ;
- Các chú ý khi vận chuyển và tiêu hủy;
- Các khuyến cáo về an toàn đối với người lao động;
- Nếu bản tài liệu an toàn hóa chất có nhiều hơn 01 trang, các trang được đánh số liên tiếp từ một đến hết. Trên mỗi trang luôn phải có dấu hiệu báo cho người đọc biết được tổng số trang của toàn bộ văn bản (ví dụ: trang 5/8 - trang số 5 trong tổng số 8 trang).

II. DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, HÓA CHẤT CÔNG NGHIỆP NGUY HIỂM VÀ YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI, NHÃN MÁC, DÁN BIỂU TRƯNG HÀNG NGUY HIỂM

1. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm

- a) Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.
- b) Danh mục hóa chất công nghiệp nguy hiểm thuộc loại 2, 3, 4, 5, 6 kèm theo mã số UN và số hiệu nguy hiểm được quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Đóng gói vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất công nghiệp nguy hiểm

- a) Việc đóng gói vật liệu nổ công nghiệp phải tuân thủ các quy định tại TCVN 4586:1997.
- b) Việc đóng gói hóa chất công nghiệp nguy hiểm dạng rắn, lỏng được chia làm 3 mức quy định tại cột 6, bảng Danh mục hóa chất công nghiệp nguy hiểm, Phụ lục 2

của Thông tư này như sau:

- Mức rất nguy hiểm biểu thị bằng số I;
- Mức nguy hiểm biểu thị bằng số II;
- Mức nguy hiểm thấp biểu thị bằng số III.

c) Ký hiệu quy cách đóng gói cho từng chủng loại hóa chất công nghiệp nguy hiểm được quy định tại cột 7, Bảng danh mục hóa chất công nghiệp nguy hiểm, Phụ lục 2 của Thông tư này.

d) Các yêu cầu về vật liệu, điều kiện kỹ thuật đóng gói và chi tiết quy cách đóng gói hóa chất nguy hiểm dạng rắn, lỏng, khí tương ứng với từng ký hiệu nêu tại cột 7, bảng Danh mục hóa chất công nghiệp nguy hiểm, Phụ lục 2 được quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

đ) Các đơn vị sản xuất hoặc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất công nghiệp nguy hiểm phải có trang thiết bị bảo đảm để đóng gói theo đúng các quy định tại TCVN 4586:97 đối với vật liệu nổ công nghiệp và quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này đối với hóa chất công nghiệp nguy hiểm, trước khi tiến hành vận chuyển.

e) Bao bì, thùng chứa hóa chất công nghiệp nguy hiểm phải được kiểm tra, kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định do Bộ Công nghiệp quy định. Đơn vị đóng gói phải tuân thủ các quy định về sử dụng, kiểm tra và kiểm định các đối tượng bao gói theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các bao gói được sử dụng.

g) Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp chịu trách nhiệm phối hợp với các Vụ chức năng xây dựng các quy định về thời hạn, quy trình và tiêu chuẩn kiểm định bao gói hóa chất công nghiệp nguy hiểm.

h) Việc kiểm định bao gói hóa chất công nghiệp nguy hiểm do các đơn vị có chức năng kiểm định an toàn công nghiệp, có đủ năng lực về con người và thiết bị thực hiện.

3. Nhãn hàng hóa, biểu trưng nguy hiểm và báo hiệu nguy hiểm

a) Việc ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất công nghiệp nguy hiểm được thực hiện theo các quy định hiện hành về ghi nhãn sản phẩm hàng hóa lưu thông trong

nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Phía ngoài mỗi kiện, thùng chứa vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất công nghiệp nguy hiểm phải dán biểu trưng nguy hiểm. Kích thước, ký hiệu, màu sắc biểu trưng nguy hiểm được quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

c) Các phương tiện vận chuyển, công-ten-nơ có chứa vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất công nghiệp nguy hiểm phải:

- Có dán biểu trưng nguy hiểm của loại, nhóm hàng đang vận chuyển. Nếu trên một phương tiện vận chuyển, công-ten-nơ xếp nhiều hơn một loại hóa chất công nghiệp nguy hiểm thì phía ngoài phương tiện, công-ten-nơ cũng phải dán đủ biểu trưng nguy hiểm và ghi số hiệu nguy hiểm của các loại hàng nguy hiểm tương ứng đang vận chuyển trên phương tiện đó;

- Có dán báo hiệu nguy hiểm hình chữ nhật màu vàng da cam, ở giữa có ghi mã số UN. Kích thước báo hiệu nguy hiểm được quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

d) Vị trí dán báo hiệu nguy hiểm ở bên dưới biểu trưng nguy hiểm.

đ) Các báo hiệu nguy hiểm và biểu trưng hóa chất nguy hiểm cần phải:

- Được thể bằng tiếng Việt rõ nghĩa, rõ ràng, không mờ nhạt, không mất chữ;
- In trực tiếp trên bao bì chứa hàng hóa, nếu in trên tấm giấy hoặc trên chất liệu khác thì chúng phải được gắn chặt vào bao bì chứa hàng hóa;
- Khu vực in, dán phải có màu sắc tương phản với màu sắc nhãn hiệu, báo hiệu nguy hiểm và biểu trưng hóa chất nguy hiểm được quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này, đồng thời bố trí tách biệt với các dấu hiệu khác có khả năng làm giảm hiệu quả nhận biết của nhãn báo hiệu hóa chất công nghiệp nguy hiểm.

III. VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ HÓA CHẤT CÔNG NGHIỆP NGUY HIỂM

1. Giấy phép vận chuyển

Các loại vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất công nghiệp nguy hiểm chỉ được vận chuyển khi đã được đóng gói đúng kích cỡ, khối lượng, nhãn mác và chất liệu bao bì chứa đựng đúng theo yêu cầu đối với từng loại hàng và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển.